

Bản án số: 10/2018/KDTM-ST
Ngày: 17.10.2018
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔ LƯƠNG – TỈNH NGHỆ AN**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Đức Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trần Văn Luyện

2. Ông Nguyễn Tất Quang

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Đạt - Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục thông thường vụ án thụ lý số: 05/2018/TLST-KDTM ngày 17 tháng 4 năm 2018 về tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 07/2018/QĐXX-ST ngày 03 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV)

Địa chỉ: 35 Hàng Vôi, Quận Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Văn Hùng, Phó giám đốc Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn (Theo giấy ủy quyền số 381/QĐ-BIDV.PD ngày 12/9/2018 của giám đốc Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn). Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Phạm Bá H, sinh năm 1983 và chị Lê Thị H, sinh năm 1984

Đều trú tại: Xóm 07, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lê Văn H, sinh năm 1949 và bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1947

Đều trú tại: xóm 07, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngân hàng Đầu tư và phát triển Tây Nghệ An (Nay là Chi nhánh Ngân hàng Thương mại cổ phần Đầu tư và phát triển Phủ Diễn) đã đồng ý cho anh Phạm Bá H, sinh năm 1983 và chị Lê Thị H, sinh năm 1984, đều trú tại: xóm 7, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An vay vốn với nội dung: Hợp đồng tín dụng số 02/2015/70357/HĐTD ngày 22/5/2015. Số tiền vay: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng chẵn). Lãi suất 8,7%/năm. Mục đích: kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn vay 09 tháng. Ngày đến hạn trả nợ: 22/02/2016. Dư nợ gốc tính đến nay (Ngày 17/10/2018) là 500.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 10.650.000 đồng, lãi quá hạn là 199.452.083 đồng, Tổng số tiền anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H còn nợ Ngân hàng cả gốc và lãi là: 710.102.083đ (bảy trăm mười triệu một trăm linh hai không trăm tám mươi ba đồng)

Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/ 7035714/HĐTD ngày 08/01/2016. Số tiền vay: 600.000.000 đồng. Lãi suất từ ngày 08/01/2016 đến ngày 08/07/2016 là 8.8%/năm, từ ngày 09/7/2016 đến ngày 08/10/2016 là 10%, mục đích vay: kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn vay 09 tháng. Ngày đến hạn 08/10/2016. Dư nợ gốc tính đến nay (ngày 17/10/2018) là 600.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 41.860.000 đồng, lãi quá hạn là 196.750.001 đồng. Tổng cộng anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H còn nợ cả gốc và lãi là 838.610.001 đồng (tám trăm tám mươi ba triệu sáu trăm mười nghìn không tám trăm linh một đồng).

Như vậy tổng cộng số tiền mà ông Phạm Bá H, chị Lê Thị H còn nợ của hai hợp đồng là 1.548.712.084 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.100.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 52.510.000 đồng, lãi quá hạn là 396.202.084 đồng

Tài sản đảm bảo cho khoản vay của hai hợp đồng này là:

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của mảnh đất tại xóm 7, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương của anh Phạm Bá H và bà Lê Thị H. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 754727 do UBND huyện Đô Lương cấp ngày 01/4/2015 mang tên anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H, diện tích 227,2m², trị giá tài sản thế chấp là 965.000.000 đồng (chín trăm sáu mươi lăm triệu đồng) .

- Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất của mảnh đất bên thứ 3 tại xóm 7, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương của ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị . Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 323986 do UBND huyện Đô Lương

cấp ngày 12/02/2015, diện tích 728, 3 m², trị giá tài sản thế chấp là 1.023.000.000 đồng (một tỷ không trăm hai mươi ba) .

Sau khi vay vốn và được giải ngân thì anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H thì chây ỳ không trả nợ. Ngân hàng đã làm việc nhiều lần nhưng anh H, chị Hòa cố tình trốn tránh không chịu trả nợ.

Để đảm bảo thu hồi vốn của nhà nước Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam yêu cầu buộc Phạm Bá H, chị Lê Thị H phải thanh toán tổng số tiền nợ là 1.548.712.084 đồng (một tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm tám mươi tư đồng)

Bị đơn anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H sau khi không có tiền trả nợ đã đi khỏi địa phương trốn tránh nghĩa vụ trả nợ. Sau khi thụ lý Tòa án đã phối hợp với ngân hàng liên hệ, gọi điện thoại cho anh H, chị H để tiến hành hòa giải, tìm phương án trả nợ nhưng anh H, chị H không chịu hợp tác, cố tình trốn tránh trách nhiệm trả nợ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L là người lấy tài sản để bảo đảm cho khoản vay của anh H, chị Hòa, tuy có mặt tại địa phương Tòa án đã thông báo và triệu tập hợp lệ nhưng ông H, bà L từ chối khai báo, không chịu tìm phương án trả nợ mà trốn tránh việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đô Lương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự và các quy định khác của pháp luật.

Đề nghị áp dụng các Điều 318, Điều 319, Điều 320, Điều 323, Điều 325, Điều 336, Điều 342, Điều 351, Điều 375 Bộ luật dân sự; Điều 91, Điều 95 và Điều 98 Luật tổ chức tín dụng, Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và buộc bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

1. Về quan hệ pháp luật: Căn cứ theo hồ sơ pháp nhân của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV), giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của hộ gia đình anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H; mục đích của việc vay vốn ghi trong hợp đồng tín dụng hai bên ký. Tòa án thụ lý vụ án Kinh doanh thương mại với quan hệ pháp luật là : “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng: Anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H là bị đơn và ông Lê Văn H, bà Nguyễn Thị L là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (Không có yêu cầu phản tố, yêu cầu độc lập) đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan. Theo quy định tại điểm b, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án xét xử vắng mặt những người trên.

3. Về nội dung:

Xét về hai hợp đồng hợp đồng tín dụng số 02/2015/70357/HĐTD ngày 22/5/2015. Số tiền vay: 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng chẵn). Lãi suất 8,7%/năm. Mục đích: kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn vay 09 tháng. Ngày đến hạn trả nợ: 22/02/2016. Dư nợ gốc tính đến nay (Ngày 17/10/2018) là 500.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 10.650.000đồng, lãi quá hạn là 199.452.083 đồng, Tổng số tiền anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H còn nợ Ngân hàng cả gốc và lãi là: 710.102.083đ (bảy trăm mười triệu một trăm linh hai không trăm tám mươi ba đồng)

Hợp đồng tín dụng số: 01/2016/ 7035714/HĐTD ngày 08/01/2016. Số tiền vay: 600.000.000 đồng. Lãi suất từ ngày 08/01/2016 đến ngày 08/07/2016 là 8.8%/năm , mục đích vay: kinh doanh vật liệu xây dựng. Thời hạn vay 09 tháng. Ngày đến hạn 08/10/2016. Dư nợ gốc tính đến nay (ngày 17/10/2018) là 600.000.000 đồng. Lãi trong hạn là 41.860.000đồng, lãi quá hạn là 196.750.001 đồng. Tổng cộng anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H còn nợ cả gốc và lãi là 838.610.001 đồng (tám trăm tám mươi ba triệu sáu trăm mười nghìn không tám linh một đồng), thì việc ký kết các hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Tây Nghệ An (Nay là Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn) và anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H cũng như thủ tục thế chấp tài sản của bên bảo lãnh (Bên thứ ba) để vay vốn kinh doanh giữa các bên là hoàn toàn tự nguyện, không bị ép buộc, các chủ thể có đầy đủ năng lực hành vi và đảm bảo đúng quy định của Bộ luật dân sự và Luật tổ chức tín dụng. Trong quá trình thực hiện bên vay đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận của hợp đồng. Ngân hàng đã thông báo trả nợ quá hạn và lập biên bản làm việc nhiều lần nhưng anh H, chị Hòa không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Kể từ lúc vay vốn đến nay anh H, chị Hòa chưa thanh toán cho ngân hàng được khoản vay nào. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của ngân hàng buộc anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H phải trả số nợ gốc và tiền lãi của hai hợp đồng tín dụng tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày 17/10/2018 là 1.548.712.084 đồng. Trong đó nợ gốc là 1.100.000.000 đồng; nợ lãi trong hạn là 52.510.000 đồng, lãi quá hạn là 396.202.084 đồng.

Về lãi suất: Xét thấy mức lãi suất trong hạn và quá hạn Ngân hàng tính đã phù hợp với các quy định của pháp luật trên nên không cần phải tính lại

Về tài sản bảo đảm: Đối với hợp đồng thế chấp tài sản giữa ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam (BIDV) với anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H, và người thứ ba ông Lê Văn Hoà, bà Nguyễn Thị Lam được các bên ký kết trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc, không bị lừa dối; các chủ thể đều có đủ năng lực hành vi; các điều khoản của hợp đồng không vi phạm điều cấm, không trái đạo đức xã hội; tài sản thế chấp được đăng ký tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Vì vậy hợp đồng thế chấp được ký kết giữa các bên là hợp pháp. Trong trường hợp này bên vay đã đến hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ nhưng không trả nên cần chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của Ngân hàng. Theo điều 4 của Hợp đồng thế chấp số 01/2015/7035714/HĐBĐ ngày 08/4/2018 giữa ông Phạm Bá H và bà Lê Thị H với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn và Hợp đồng thế chấp số 02/2015/7035714/HĐBĐ ngày 12/5/2018 giữa ông Lê Văn H và bà Lê Thị L với Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn thì ông Phạm Bá H và bà Lê Thị Hoà; ông Lê Văn H và bà Lê Thị L dùng tài sản là quyền sử dụng đất và tài sản trên đất để bảo lãnh cho tất cả các khoản vay của ông H và bà Hoà ở Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn trong khoảng thời gian từ ngày 08/4/2015 đến ngày 08/4/2020 và từ ngày 12/5/2015 đến ngày 12/5/2020. Như vậy các tài sản thế chấp, bảo đảm của ông H và bà Hoà cũng như của ông H và bà L là những tài sản bảo đảm cho cả hai hợp đồng vay nên nếu ông H và bà Hoà không trả được nợ thì phải xử lý tài sản của ông H, bà H và tài sản của ông H, bà L.

Về án phí: Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí trên tổng số tiền còn nợ chưa thanh toán cho Ngân hàng, trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại chi cục thi hành án huyện Đô Lương

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; Điều 147; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Điều 91, khoản 2 Điều 95, Điều 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Khoản 2 Điều 336; khoản 1 Điều 342 Bộ luật dân sự năm 2015;

Án lệ số 08/2016/AL được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao công bố vào ngày 17/10/2016.

Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính Phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam

Buộc anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H phải trả cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam số tiền nợ tính đến ngày 17/10/2018 là 1.548.712.084 đ (một tỷ năm trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm mười hai nghìn không trăm tám mươi tư đồng). Trong đó nợ gốc là 1.100.000.000đ (một tỷ một trăm triệu đồng); nợ lãi trong hạn là 52.510.000 đồng (Năm mươi hai triệu, năm trăm mười ngàn đồng), lãi quá hạn là 396.202.084 đồng (Ba trăm chín mươi sáu triệu, hai trăm linh hai ngàn, không trăm tám mươi bốn đồng)

Trong trường hợp anh Phạm Bá H, bà Lê Thị H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam thì Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản thế chấp gồm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa đất số 1392, tờ bản đồ số 24, diện tích 227,2 m² (Hiện nay đất không có tranh chấp) mang tên Phạm Bá H, Lê Thị H tại xóm 7, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An và giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của bên thứ ba tại thửa đất số 333, tờ bản đồ số 24, diện tích 955,5m² mang tên ông Lê Văn H và bà Nguyễn Thị L tại xóm 07, xã Đại Sơn, huyện Đô Lương, tỉnh Nghệ An. Nếu phát mãi tài sản thế chấp không đủ để thanh toán số nợ thì anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H tiếp tục phải thanh toán nợ cho ngân hàng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

2. Về án phí:

Anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch là 58.461.360 đồng (Năm mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi một ba trăm sáu mươi đồng).

Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh Phủ Diễn số tiền 26.727.000 đồng (Hai mươi sáu triệu bảy trăm hai mươi bảy nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001894 ngày 17/4/2018 đã nộp tại chi cục thi hành án huyện Đô Lương

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm khách hàng vay (anh Phạm Bá H, chị Lê Thị H) còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thi hành xong các khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các

bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh của ngân hàng cho vay.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án sơ thẩm. Bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Văn Luyện

Nguyễn Tất Quang

Nguyễn Đức Anh